

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Thụy**;

2. Ông **Nguyễn Văn Trí**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Lợi** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp K H1, xã K T, huyện C M, tỉnh A G (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K T 1, xã K T, huyện C M, tỉnh A G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Bích L trình bày: Chị và anh H do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1998, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, vợ

chồng sống chung không hạnh phúc nhưng vì thương con vẫn sống chung trong nhà, nguyên nhân anh H không lo làm ăn chỉ biết ăn nhậu, đi chơi với bạn bè, mỗi lần đi nhậu về chửi và đánh chị, chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 05 năm 2020, chị đã cho nhiều cơ hội nhưng anh H vẫn không sửa đổi, mâu thuẫn cha mẹ anh H cũng biết nhưng không nói gì tùy vào vợ chồng quyết định. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị H, sinh ngày 15/6/2000 (hiện nay đã trưởng thành); Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 25/6/2015. Hiện cháu V đang sống chung với vợ chồng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích L xác định không có.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Bích L xác định không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/02/2021 bị đơn anh Huỳnh Văn H trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị L trình bày, vợ chồng sống chung vẫn hạnh phúc, nguyên nhân chị L về nhà cha mẹ ruột sống là do chị L đi nhậu với bạn bè, ca hát, anh có nói nhưng chị L không sửa đổi, chị L về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay. Anh thừa nhận là anh tôi có ăn nhậu, nhưng thật sự anh rất thương vợ, thương con, anh hứa sẽ sửa đổi. Nay chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý, vì tôi còn thương vợ và thương con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị H, sinh ngày 15/6/2000 (hiện nay đã trưởng thành); Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 25/6/2015. Hiện cháu V đang sống chung với vợ chồng, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn H xác định không có.

Về nợ chung: Anh Huỳnh Văn H xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Lê Thị Bích L khởi kiện anh Huỳnh Văn H cư trú ấp K T 1, xã K T huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị L và anh H sống chung với nhau vào năm 1998 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh H là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị H, sinh ngày 15/6/2000 (hiện nay đã trưởng thành); Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 25/6/2015, hiện cháu V đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, anh H không có ý kiến phản đối. Xét thấy từ khi chị L và anh H không còn sống chung cho đến nay cháu V sống chung với chị L vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Tại phiên tòa chị L xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L, anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L, anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Bích L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 14, Khoản 1 Điều 53, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Bích L và anh Huỳnh Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Lê Thị Bích L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 25/6/2015. Anh Huỳnh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Bích L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích L, anh Huỳnh Văn H xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Bích L, anh Huỳnh Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L, anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L, anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Lê Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009446 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G. Chị Lê Thị Bích L không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A G;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn